

Số: 352 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 19 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng - Bàu Cóp)
do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành giao thông
tỉnh Tây Ninh làm Chủ đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng - Bàu Cóp) họp
vào ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp,
mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng - Bàu Cóp) tại huyện Dương Minh Châu,
tỉnh Tây Ninh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 78/BQLDA ngày
25 tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành giao thông
tỉnh Tây Ninh;


Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
758.../TTr-STNMT ngày 01 tháng 02 năm 2024.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng - Bàu Cóp) (sau đây
gọi là Dự án) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành giao thông tỉnh Tây

Ninh làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 


Nơi nhận: 

- Chủ đầu tư;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Dương Minh Châu;
- UBND xã: Bàu Năng, Chà là;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

W

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,**




Trần Văn Chiến

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐT.784C (BÀU NĂNG – BÀU CÓP)
(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng 02 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng – Bàu Cóp).
- Địa điểm thực hiện: huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng ngành giao thông tỉnh Tây Ninh.
- Địa chỉ: Số 209, đường 30/4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng – Bàu Cóp) đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 20/7/2023.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng – Bàu Cóp) có tổng chiều dài 3,1 km, quy mô đường cấp III có điểm đầu giao với đường ĐT.781 (ngã ba Bàu Năng) và điểm cuối giao với ĐT.784 (ngã ba Bàu Cóp):

- Đoạn từ Km0+00 đến Km2+000 (đoạn khu vực đông dân cư):
 - + Mặt đường rộng 17,5m, bê tông nhựa cấp cao A1 (bao gồm dải phân cách giữa rộng 1,0m).
 - + Vía hè rộng 12,5m (2 bên, mỗi bên rộng 6,25m).
 - + Nền đường rộng 30m.
 - + Phạm vi giải phóng mặt bằng 30m (lộ giới quy hoạch 30m).
 - + Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông.
 - Đoạn từ Km2+00 đến Km3+100 (đoạn ngoài khu vực đông dân cư):
 - + Mặt đường rộng 17,5m, bê tông nhựa cấp cao A1 (bao gồm dải phân cách giữa rộng 1,0m).
 - + Nền đường rộng 18,5m.
 - + Phạm vi giải phóng mặt bằng 30m (lộ giới quy hoạch 30m).
 - + Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông.
- 1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án**

1.3.1. Các hạng mục công trình:

a) Nền mặt đường

- Các yếu tố kỹ thuật của mặt cắt ngang đường cụ thể như sau

* Đoạn từ Km0+000,00 đến Km2+000,00 (Đoạn khu vực đông dân cư):

+ Số làn xe chạy:	4 làn.
+ Phần xe chạy:	02 làn x 3,50m + 02 làn x 3,75m = 14,5m.
+ Dây phân cách giữa:	1,0m.
+ Dải an toàn gần dải phân cách giữa:	02 bên x 0,50m = 1,00m.
+ Dải an toàn lề đường:	02 bên x 0,50m = 1,00m.
+ Chiều rộng mặt đường :	17,50m.
+ Kết cấu mặt đường :	Cấp cao A1 (thảm bê tông nhựa nóng).
+ Vía hè rộng:	02 bên x 6,25m = 12,50m (Bao gồm bó vỉa 2 bên).
+ Bề rộng bó vỉa:	02 bên x 0,65m = 1,30m.
+ Chiều rộng nền đường :	30,00m.
+ Kết cấu vỉa hè:	Lát gạch terrazzo.
+ Độ dốc ngang mặt đường :	2%.
+ Độ dốc ngang vỉa hè :	2% - Hướng vào đường.
* Đoạn từ Km2+000,00 đến Km3+017,51 (Đoạn ngoài khu vực đông dân cư):	
+ Số làn xe chạy:	4 làn.
+ Phần xe chạy:	02 làn x 3,50m + 02 làn x 3,75m = 14,5m.
+ Dây phân cách giữa:	1,0m.
+ Dải an toàn gần dải phân cách giữa:	02 bên x 0,50m = 1,00m.
+ Dải an toàn lề đường:	02 bên x 0,50m = 1,00m.
+ Chiều rộng mặt đường :	17,50m.
+ Kết cấu mặt đường :	Cấp cao A1 (thảm bê tông nhựa nóng).
+ Lề đường rộng:	02 bên x 0,50m = 1,00m.
+ Chiều rộng nền đường :	18,50m.
+ Kết cấu lề đường:	Đắp sỏi đỏ.
+ Tải trọng trực tính toán:	100MPa.

- + Phạm vi giải phóng mặt bằng: 30,00m.
- + Độ dốc ngang mặt đường : 2%.
- + Độ dốc ngang lề : 4%.

b) Hệ thống thoát nước mưa

- Tần suất tính toán thoát nước: 4%;

- Tải trọng tính toán kết cấu: tổ hợp tải trọng HL93 (tương đương tổ hợp tải trọng H30- XB80).

- Hướng thoát nước:

+ Đoạn từ đầu phương án (đường ĐT.781) đến Km1+802,50 nước thoát về Km0+325,37 theo cống dẫn Đường số 02 ấp Ninh Hiệp xã Bàu Nặng thoát về kênh tiêu T5-4 thoát qua cống tiêu lườn D1000 ngang kênh TN5 chảy vào kênh tiêu T2-2 thoát ra rạch Rẽ.

+ Đoạn từ Km1+802,50 đến cuối tuyến (đường ĐT.784) nước theo 2 mương đất 2 bên thoát về cống thủy lợi 2D1000 ngang đường tại Km2+091,00 dẫn qua hướng đường ĐT.781 chảy về suối Vườn Điều thoát ra rạch Tây Ninh.

- Thoát nước dọc:

+ Đoạn từ Km0+000,00 đến Km0+325,37 bố trí cống D1200-H30 dọc 2 bên.

+ Đoạn từ Km0+325,37 đến Km2+050,00 bố trí cống D1000-H30 dọc 2 bên.

+ Đoạn cống dẫn đường số 2 ấp Ninh Hiệp: Từ đầu tuyến Km0+000 đến Km0+872 bố trí cống tròn D1500-H30 bên trái tuyến và đoạn từ Km0+872 đến Km0+938 nạo vét mương đất hiện hữu dẫn về cống tiêu lườn D1000 Kênh TN5.

+ Tại giao lộ cuối phương án giao với đường ĐT.784 bố trí mương B600, thu nước mặt cho nút giao đập đan thép.

+ Đoạn còn lại thoát nước bằng mương đất bố trí 2 bên tuyến.

- Thoát nước ngang:

+ Các vị trí cống hiện hữu thay mới bằng cống hoặc cống hộp. Khẩu độ và vị trí sẽ được tính toán sau khi có số liệu khảo sát thủy văn, lưu vực tuyến.

+ Bổ sung thêm các cống ngang địa hình. Khẩu độ và vị trí sẽ được tính toán sau khi có số liệu khảo sát thủy văn, lưu vực tuyến.

- Làm mới cống hộp bê tông cốt thép kích thước 2m x 2m, dài 15,7m, tại kênh TN5 tại K4+756.

d) Các hạng mục công trình phụ trợ:

Công trình phòng hộ và hệ thống an toàn giao thông: quy cách đúng theo quy định tại QCVN 41:2019/BGTVT -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

1.3.1. Các hoạt động của Dự án:

- Hoạt động thi công dọn mặt bằng.
- Hoạt động thi công các hạng mục của Dự án.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động vận chuyển đất, đá đến các vị trí đổ đất, đá các loại.
- Hoạt động vận hành tuyến đường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa: 800 m² thuộc địa bàn huyện Dương Minh Châu.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công và hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu thi công.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường.
- Hoạt động bảo trì, duy tu sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải:

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân bao gồm: ăn uống, vệ sinh... với lưu lượng tổng cộng khoảng 6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ như BOD₅, chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, Photpho, Coliform,...

- Nước thải xây dựng: phát sinh từ hoạt động trộn bê tông, vệ sinh máy móc, thiết bị,... với lưu lượng phát sinh không đáng kể. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ như BOD₅, COD, tổng dầu mỡ,...

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh nước thải.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất khí thải:

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình đào, đắp đất; quá trình xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị thi công; quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công, hoạt động giao thông trên tuyến đường hiện hữu...

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

Bụi, khí thải: phát sinh từ hoạt động của các loại phương tiện giao thông (xe buýt, xe tải nhẹ, xe tải nặng, xe máy và các loại phương tiện giao thông khác, ...) lưu thông trên đường.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

3.2.1.1. Giai đoạn xây dựng:

Phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại công trường với khối lượng khoảng 25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

Phát sinh từ rác thải sinh hoạt (bao bì, thức ăn dư thừa, ...) từ những cụm dân cư, dịch vụ dọc 2 bên đường.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.2.2.1. Giai đoạn xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng: khối lượng đất đào phát sinh khoảng 45.162,63 m³, ngoài ra còn phát sinh các loại chất thải như: bao bì vật liệu xây dựng, sắt thép vụn, đất đá, xà bần các loại...

3.2.2.1. Giai đoạn vận hành:

Phát sinh chất thải thông thường với khối lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Giai đoạn xây dựng:

Phát sinh từ hoạt động xây dựng, sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng với khối lượng ước tính khoảng 80 kg/tổng thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu...

3.2.2.1. Giai đoạn vận hành: không phát sinh

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn xây dựng:

Phát sinh từ hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị tham gia thi công xây dựng trên công trường.

3.3.2. Giai đoạn vận hành: không phát sinh

3.4. Các tác động khác

Không có hộ dân phải tái định cư do hoạt động giải phóng mặt bằng; tác động do chuyển đổi mục đích sử dụng 800 m² đất lúa.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Đối với nước thải sinh hoạt: yêu cầu công nhân sử dụng nhà vệ sinh tại các nhà vệ sinh di động bố trí tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải xây dựng: bố trí ngăn lắng dung tích 2-3 m³ tại các khu vực đào hố móng để lắng cặn, tận dụng để tưới ẩm đường, nguyên vật liệu.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành: không có

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt kín đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất dôi dư, phế thải...; phương tiện vận tải chuyên chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

Thực hiện các giải pháp xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/BXD ngày 16/05/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng và Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 21/06/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công và phân cấp quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành: không có.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định khi có phát sinh.

Chất thải rắn xây dựng: đối với đất từ quá trình đào được tận dụng san lấp thi công Dự án khối lượng đất dôi dư thực hiện theo quy định của pháp luật tài nguyên khoáng sản; đối với các loại có thể tái chế, tái sử dụng như vụn sắt thép, bao bì xi măng,... được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu; các chất thải rắn thông thường khác được hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành: không có (chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình trên tuyến đường sẽ được đơn vị quản lý, vận hành thực hiện theo đúng quy định).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành: không có.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Tất cả các xe vận tải máy móc thiết bị cơ giới đưa vào sử dụng tại khu vực Dự án phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường và tiếng ồn, độ rung.

Trên công trường không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giám thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.3.2. Giai đoạn vận hành: không có.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng phương án ứng phó với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị đồ bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường bộ: phân luồng giao thông tại các nút giao thông, chợ Bàu Năng, trạm y tế xã Bàu Năng, trường tiểu học Bàu Năng A, trường tiểu học Ninh Hưng; lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại khu vực thi công ban đêm; lắp đặt đầy đủ và định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo quy định.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Thường xuyên thu dọn chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công; định kỳ nạo vét rãnh thoát nước tại công trường thi công, dọc tuyến thi công, bảo đảm lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông: xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo công khai về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Giám sát việc sử dụng nhà vệ sinh của công nhân; định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành:

Sau khi Dự án đi vào hoạt động, đơn vị thu hưởng Dự án trực tiếp quản lý, vận hành, bảo dưỡng các công trình của Dự án, thực hiện các biện pháp giám sát trong khu vực của Dự án về: hệ thống thoát nước, hệ thống biển báo tín hiệu,...

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thi công xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

- Sử dụng nguồn đất đào phát sinh từ quá trình thi công xây dựng phục vụ cho phạm vi Dự án. Lượng đất đào dôi dư (nếu có) phải bàn giao lại cho địa phương theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình thi công xây dựng, vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn

và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Tháo dỡ các công trình tạm thời ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt, chủ Dự án đầu tư có trách nhiệm lập, phê duyệt, niêm yết công khai tiến độ thi công; kế hoạch thi công và thực hiện Dự án để triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát; bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra công tác thi công và công tác bảo vệ môi trường của Dự án do các đơn vị thi công thực hiện./.